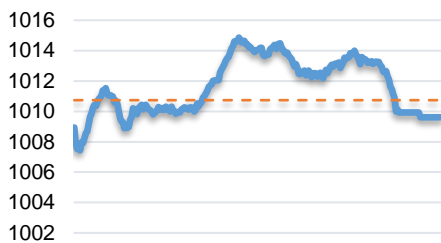


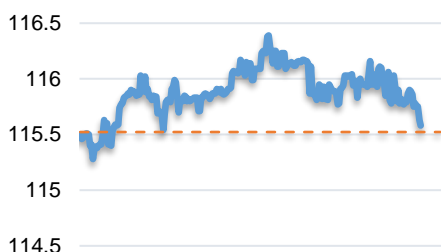
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	1,009.61	115.58	54.05
% ngày	(0.11)	0.05	0.10
% tuần	1.41	1.21	3.03
% tháng	2.29	3.55	4.76
% năm	25.36	7.11	(0.40)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,911	792	449
Hôm qua	3,706	598	360
TB 1 tháng	3,764	619	264
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	278.55	5.04	42.25
Bán	248.94	20.10	24.21
Giá trị ròng	29.61	(15.06)	18.04
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	168	89	73
Mã Giảm	120	67	60
Không Đổi	65	228	601
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	18.1x	11x	8.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,231	203	957
LS Cổ tức	2.07	2.34	4.34

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

### VNINDEX



### HNX INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Khi có thông tin MSCI cân nhắc tăng mạnh tỷ trọng nhóm cổ phiếu loại A của Trung Quốc vì các cơ quan quản lý đưa ra những chính sách mới phù hợp với yêu cầu của tổ chức này đề ra. Thị trường chứng khoán Châu Á gần như phủ toàn bộ bởi sắc xanh và dẫn đầu bởi thị trường Trung Quốc và Hong Kong bên cạnh đó cũng có Nhật Bản, Singapore, Thái Lan... Tuy nhiên vẫn có thị trường giảm điểm nhẹ trong phiên như Việt Nam, Ấn Độ...

Top 10 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất trên sàn HSX gần như đều giảm giá trong phiên làm chỉ số VN-Index tuột mất đà tăng và quay lại giảm dưới mức tham chiếu tại mức 1,009.6 điểm (-0.11%). Bên cạnh đó, chỉ số HNX-Index cũng đã hồi phục lại 0.05% và đóng cửa tại 115.6 điểm. Thanh khoản trong những phiên cuối tháng 9 ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực. Khi trên sàn HSX, tổng giá trị giao dịch trên 5,000 tỷ đồng. Còn trên toàn thị trường thì lượng thanh khoản lên đến hơn 6,400 tỷ đồng.

Nhóm ngành dầu khí tăng mạnh trong những phiên trước đã phải chịu áp lực điều chỉnh của thị trường và những mã như GAS, PVS, PVD, PVB, PXS, BSR, OIL, PLX... gặp phải lực bán mạnh dẫn đến giảm điểm gây ảnh hưởng đến các chỉ số index. Ngoài ra chỉ số còn bị ảnh hưởng chính từ các mã Largrecaps như VIC, VHM, VNM, VCB, ACB. Tuy nhiên sự hỗ trợ lớn từ mã TCB và VRE đã giúp cho chỉ số giảm không quá sâu và cùng với dòng thủy sản và dệt may cũng giữ vững đà tăng với VHC, HVG, MPC, TCM, TNG đồng loạt tăng điểm, thậm chí HVG tiếp tục tăng trần.

Nhà đầu tư ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị hơn 30 tỷ đồng trên sàn cả ba sàn. Lượng mua bán của khối ngoại trong phiên giảm đi nhiều so với những phiên trước tuy nhiên xu hướng mua ròng nhẹ vẫn được duy trì trong những phiên gần đây.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh và bị ảnh hưởng chủ yếu bởi nhóm cổ phiếu Largecaps, dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm Midcaps và Smallcaps. Tuy nhiên, chỉ số VNSmallcaps đang tiến về gần đường trung bình 200 ngày cho thấy nhóm Smallcaps có thể sẽ đối mặt với áp lực chốt lời ngắn hạn trong vài phiên tới, còn chỉ số VNMidcaps vẫn duy trì xu hướng tăng bền vững. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng và tiến về gần mức đỉnh ngắn hạn 77% cổ phiếu theo mô hình định lượng của chúng tôi cho thấy cơ hội giải ngân mới có khả năng thu hẹp dần vì tỷ lệ cổ phiếu đạt ở mức này thì thị trường sẽ bước vào nhịp điều chỉnh và phân hóa.

Hệ thống chỉ báo xu hướng ngắn hạn vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức với mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 992.24 điểm của chỉ số VN-Index và 112.77 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua mới để tránh các rủi ro T+3 hoặc vị thế mua nên chờ ở nhịp điều chỉnh và chủ yếu tập trung ở các cổ phiếu có điểm nhấn đặc biệt như thoái vốn, các cổ phiếu trên sàn Upcom.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 75% cổ phiếu/25% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.60	TĂNG	GIẢM	17.70	16.90	-0.56%			19.58		
ACB	33.90	TĂNG	GIẢM	30.96	33.02	9.49%			36.35		
ACV	87.00	TĂNG	GIẢM	84.10	84.12	3.45%			93.16		
ANV	21.90	TĂNG	TĂNG	18.90	20.36	15.87%		21.45	21.39	2.10%	MUA
ASM	13.05	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-1.88%			14.14		
BFC	27.70	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	86.00	TĂNG	GIẢM	83.60	80.65	2.87%			101.13		
BID	34.90	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	35.27%		33.40	28.16	4.49%	
BMP	63.80	TĂNG	TĂNG	56.20	59.03	13.52%			62.30		
BSR	20.40	TĂNG	TĂNG	18.10	18.83	12.71%			19.99		
BVH	95.00	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	-0.73%		86.00	77.87	10.47%	
BWE	19.65	TĂNG	TĂNG	17.70	17.77	11.02%			19.20		
CEO	14.20	TĂNG	GIẢM	13.40	13.18	5.97%			14.91		
CHP	22.85	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.77%	
CSM	14.30	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	0.35%		14.39	12.77	-0.63%	
CTD	166.00	TĂNG	TĂNG	149.50	162.27	11.04%		161.20	142.39	2.98%	
CTG	27.65	TĂNG	GIẢM	24.00	26.63	15.21%			28.07		
CTI	25.90	GIẢM	GIẢM		27.21				31.34		
CVT	27.50	TĂNG	GIẢM	27.05	25.96	1.66%			29.20		
DCM	11.30	TĂNG	TĂNG	10.16	10.23	11.20%			10.69		
DGW	27.10	TĂNG	TĂNG	23.90	25.70	13.39%		27.50	26.51	-1.45%	MUA
DHA	30.00	TĂNG	TĂNG	28.20	27.22	6.38%			28.49		
DHC	43.00	GIẢM	GIẢM	42.35	43.42	2.52%	BÁN	44.60	43.77	-1.86%	MUA
DHG	99.00	TĂNG	GIẢM	95.30	93.21	3.88%			104.17		
DPG	53.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	29.58%		52.00	39.74	1.92%	
DPM	19.50	TĂNG	TĂNG	18.10	17.74	7.73%			18.72		
DPR	37.75	TĂNG	GIẢM	37.50	36.88	0.67%			38.96		
DQC	29.20	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-1.18%			30.33		
DRC	27.75	TĂNG	TĂNG	25.85	26.16	7.35%		24.30	22.77	14.20%	
DXG	29.70	TĂNG	TĂNG	28.80	28.42	3.13%		29.80	29.38	-0.34%	MUA
ELC	9.65	TĂNG	GIẢM	9.65	9.18	0.00%	MUA		10.51		
FCN	16.95	TĂNG	TĂNG	16.45	15.62	3.04%		17.70	14.10	-4.24%	
FIT	4.28	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	0.23%			4.98		
FMC	26.55	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	25.24%		24.70	22.11	7.49%	
FPT	46.05	TĂNG	TĂNG	44.55	44.54	3.37%		45.90	45.46	0.33%	MUA
GAS	117.10	TĂNG	TĂNG	101.50	112.48	15.37%		103.00	87.13	13.69%	
GEX	28.10	GIẢM	TĂNG		29.11			30.10	25.97	-6.64%	
GIL	39.00	GIẢM	TĂNG		40.74			34.90	33.73	11.75%	

We Create Fortune

GMD	27.50	TĂNG	TĂNG	25.40	25.93	8.27%		27.30	27.06	0.73%	MUA
GTN	11.15	TĂNG	TĂNG	11.25	10.51	-0.89%		11.20	9.83	-0.45%	
HAG	6.15	GIẢM	TĂNG		6.47			6.19	5.86	-0.65%	
HAX	18.50	TĂNG	TĂNG	16.40	16.39	12.80%			18.40		
HBC	25.20	TĂNG	GIẢM	23.80	22.98	5.88%			26.74		
HDB	38.60	TĂNG	GIẢM	38.20	37.73	1.05%			42.32		
HNG	16.20	GIẢM	TĂNG		17.21			8.20	14.25	97.56%	
HPG	41.00	TĂNG	GIẢM	37.20	39.84	10.22%			42.50		
HSG	12.80	TĂNG	GIẢM	11.35	11.64	12.78%			13.04		
HT1	15.00	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	27.66%		13.00	11.87	15.38%	
HUT	5.80	TĂNG	GIẢM	5.80	5.45	0.00%			6.47		
HVN	40.80	TĂNG	TĂNG	41.30	39.33	-1.21%		39.20	31.92	4.08%	
ITD	12.10	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-2.42%	
KBC	12.95	TĂNG	GIẢM	12.40	12.18	4.44%			13.24		
KDH	33.05	TĂNG	TĂNG	30.30	31.65	9.08%		33.40	26.95	-1.05%	
KSB	34.35	TĂNG	TĂNG	33.00	30.89	4.09%			33.01		
LCG	9.22	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-2.54%		9.39	8.35	-1.81%	
LDG	17.60	TĂNG	TĂNG	15.00	15.57	17.33%		16.50	15.06	6.67%	MUA
LIX	49.50	TĂNG	TĂNG	41.20	46.85	20.15%		44.40	38.77	11.49%	
LPB	10.10	TĂNG	GIẢM	9.50	9.52	6.32%			10.88		
LSS	7.06	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-2.22%			7.75		
MSN	93.50	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	3.20%	
MWG	125.00	TĂNG	TĂNG	122.00	122.12	2.46%		121.00	106.33	3.31%	
NKG	14.90	TĂNG	GIẢM	13.70	14.15	8.76%			15.54		
NLG	31.80	TĂNG	GIẢM	31.75	30.88	0.16%		32.40	31.83	-1.75%	MUA
NT2	26.45	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	2.77%			27.15		
NTL	9.90	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-4.35%		10.45	8.94	-5.26%	
NTP	50.00	TĂNG	GIẢM	51.50	47.16	-2.91%		51.50	51.08	-0.82%	MUA
PAC	43.70	TĂNG	TĂNG	40.20	41.79	8.71%		44.10	42.18	-0.91%	MUA
PC1	28.80	TĂNG	TĂNG	26.15	26.49	10.13%			28.42		
PDR	26.50	TĂNG	GIẢM	26.50	25.42	0.00%			28.77		
PGC	15.10	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	5.23%			15.56		
PHR	27.45	TĂNG	TĂNG	21.90	25.59	25.34%		24.00	21.67	14.38%	
PLX	72.00	TĂNG	TĂNG	60.50	70.08	19.01%		68.00	59.54	5.88%	
PNJ	102.50	TĂNG	TĂNG	103.50	97.98	-0.97%		103.90	86.95	-1.35%	
POW	16.00	TĂNG	TĂNG	13.00	15.04	23.08%		14.10	12.35	13.48%	
PPC	19.75	TĂNG	TĂNG	18.50	18.16	6.76%			19.21		
PTB	63.50	TĂNG	TĂNG	62.40	58.72	1.76%		64.00	53.16	-0.78%	
PVD	19.55	TĂNG	TĂNG	15.75	17.97	24.13%		16.35	12.08	19.57%	
PVI	33.00	TĂNG	TĂNG	29.90	31.67	10.37%		33.00	32.96	0.00%	MUA
PVS	23.20	TĂNG	TĂNG	17.00	22.26	36.47%		20.90	17.01	11.00%	
PXS	7.00	TĂNG	TĂNG	6.17	6.51	13.45%		6.19	4.69	13.09%	
RAL	104.40	TĂNG	TĂNG	91.00	95.58	14.73%		103.60	100.14	0.77%	MUA



We Create Fortune

REE	37.20	TĂNG	TĂNG	36.70	34.84	1.36%		36.40	31.68	2.20%	
SAB	218.90	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	5.24%			233.02		
SAM	7.80	TĂNG	TĂNG	7.16	7.73	8.94%		7.75	6.79	0.65%	
SBV	25.00	TĂNG	GIẢM	26.20	23.39	-4.58%			26.95		
SCR	9.78	TĂNG	GIẢM	9.47	9.17	3.27%			10.30		
SHI	6.12	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-12.45%	
SJS	19.30	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.80	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	4.64%		23.10	20.08	7.36%	
SSI	33.00	TĂNG	GIẢM	29.55	31.71	11.68%			34.19		
STB	12.70	TĂNG	GIẢM	11.20	12.13	13.39%			12.71		
SVC	42.90	GIẢM	GIẢM		43.97				48.38		
TCB	28.90	TĂNG	GIẢM	26.60	26.76	8.65%			N/A		
TCM	30.30	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	70.22%		21.60	21.53	40.28%	
TDH	12.05	TĂNG	GIẢM	11.75	11.14	2.55%			12.91		
TLH	7.75	TĂNG	GIẢM	7.49	7.46	3.47%			7.98		
TMT	8.80	GIẢM	TĂNG	7.60	8.95	17.81%	BÁN	9.29	5.90	-5.27%	
TNG	18.70	TĂNG	TĂNG	10.80	15.62	73.15%		12.00	10.99	55.83%	
TYA	10.30	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	63.80	TĂNG	GIẢM	64.00	62.58	-0.31%		64.60	64.41	-0.30%	MUA
VFG	35.50	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	3.22%	
VGC	19.50	TĂNG	GIẢM	17.90	17.94	8.94%			21.13		
VHM	101.90	GIẢM	N/A		106.00						
VIB	29.00	TĂNG	GIẢM	27.90	27.85	3.94%			N/A		
VIC	99.00	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-11.21%	
VIP	7.12	TĂNG	GIẢM	7.12	7.07	0.00%	MUA		7.29		
VJC	152.20	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-2.44%	
VNM	136.50	TĂNG	GIẢM	132.00	132.36	3.41%			139.87		
VPB	26.00	TĂNG	GIẢM	25.80	24.87	0.78%			30.02		
VRC	22.50	GIẢM	TĂNG	17.75	22.55	27.04%	BÁN	19.35	19.68	16.28%	
VRE	40.75	TĂNG	GIẢM	39.50	37.67	3.16%			44.44		
VSC	42.95	TĂNG	TĂNG	42.90	40.94	0.12%		35.30	35.61	21.67%	
VSH	17.60	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	1,009.61	(0.11)	HNI	115.58	0.05	UPCoM	54.05	0.10
VN30	984.39	(0.07)	HN30	213.98	(0.11)			
VN Mid	1,065.96	0.61	VNX AllSh	1,422.15	(0.03)			
VN Small	859.74	0.99						

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	278.55		Mua	5.04		Mua	42.25	
Bán	248.94		Bán	20.10		Bán	24.21	
GT ròng	29.61		GT ròng	(15.06)		GT ròng	18.04	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	350	6.94%	BCC	600	8.70%	MPC	3200	6.68%
HVG	390	6.94%	TNG	1000	5.65%	CTR	1500	5.86%
HAX	1200	6.94%	PLC	700	3.95%	VGT	300	2.29%
FTS	1050	6.89%	TV2	5000	3.82%	NTC	1200	1.66%
DRH	950	6.88%	AMV	900	2.99%	MCH	1000	1.12%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BCG	-470	-6.67%	DBC	-900	-3.03%	OIL	-500	-2.91%
DHC	-2,200	-4.87%	PVS	-600	-2.52%	GEG	-300	-2.14%
KDC	-1,100	-3.71%	HUT	-100	-1.69%	IDC	-400	-1.73%
FLC	-170	-2.68%	PVI	-300	-0.90%	BSR	-300	-1.45%
SAM	-200	-2.50%	PVB	-100	-0.43%	DVN	-200	-1.16%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	315,971		ACB	42,279		ACV	189,410	
VHM	273,052		VCS	15,568		BSR	63,250	
VNM	237,706		SHB	10,587		MCH	54,894	
VCB	229,538		PVS	10,363		HVN	51,001	
GAS	224,124		VGC	8,743		POW	37,470	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ASM	11.90	4.52	SHB	10.02	8.10	BSR	5.50	2.62
FLC	9.20	9.99	PVS	7.30	6.33	ART	3.58	#VALUE!
HQC	8.55	2.81	VGC	3.56	2.03	LPB	3.17	1.55
IDI	8.18	2.75	HUT	3.26	1.87	POW	2.12	1.99
HSG	7.46	4.10	ACB	2.91	4.65	OIL	2.06	1.03

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

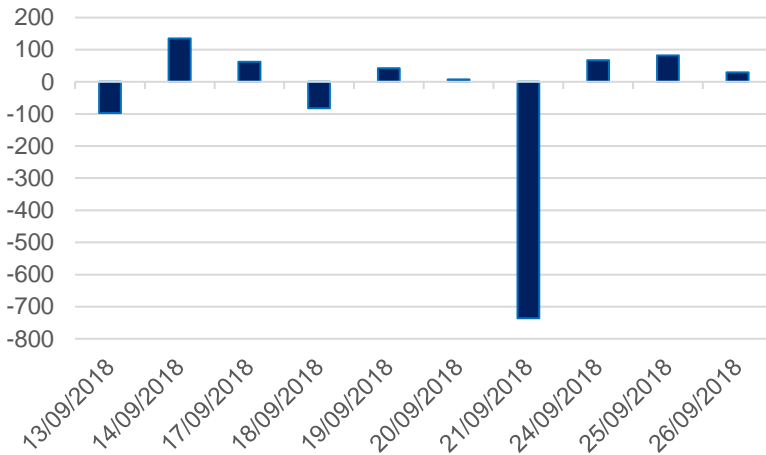
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

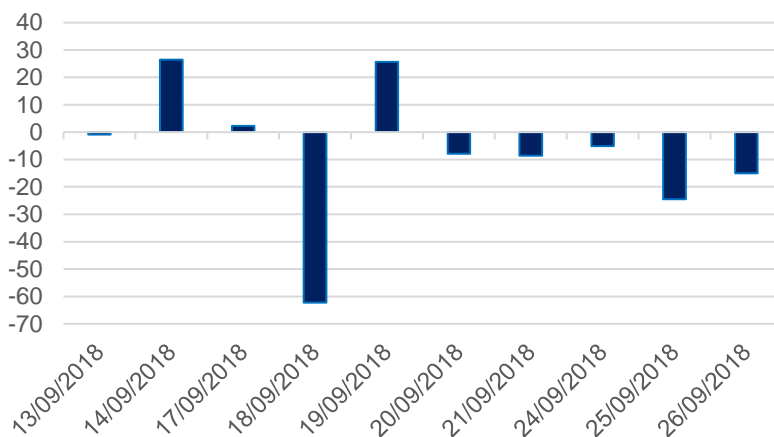
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VRE	32,353	SBT	(34,345)
HPG	29,733	VNM	(12,004)
MSN	14,617	TDH	(9,400)
GAS	10,906	HDB	(9,365)
BMP	9,335	VCB	(8,616)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

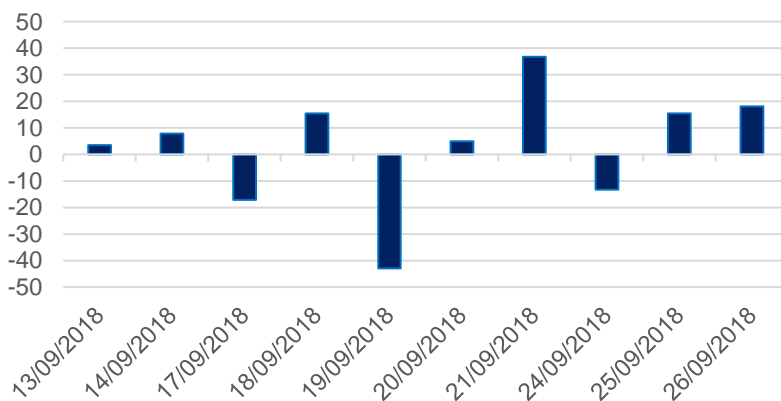
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
SHB	909	VGC	(11,608)
SHS	777	PVB	(2,588)
CEO	415	PVS	(1,706)
CDN	180	MSC	(751)
DGC	174	TV2	(269)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	21,343	HVN	(5,799)
POW	7,908	BSR	(3,731)
QNS	2,322	CTR	(2,660)
LPB	692	VGT	(2,039)
GEG	631	ACV	(1,399)

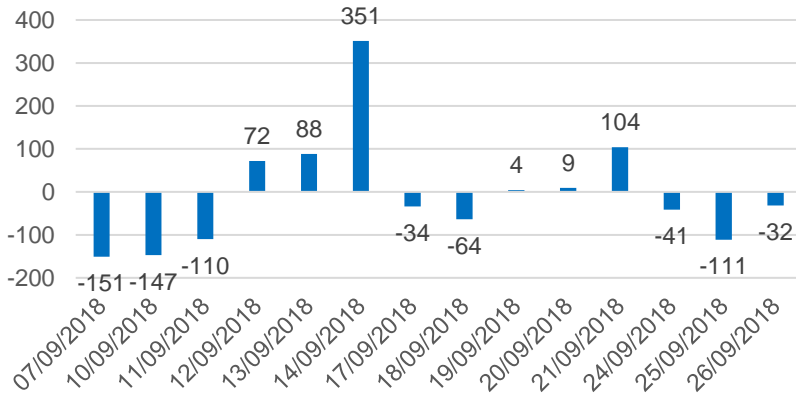
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

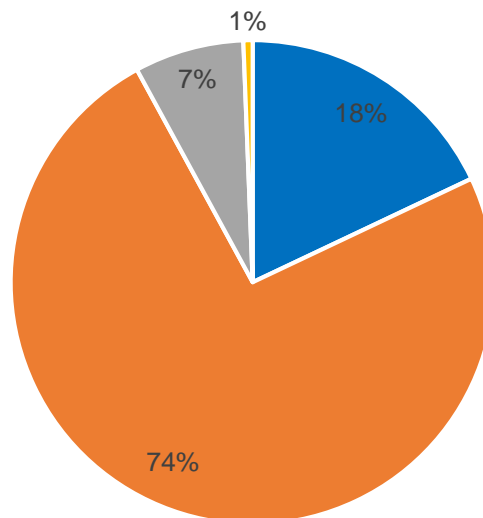


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>NVL</b>	35,538	<b>NVL</b>	33,352
<b>HPG</b>	23,329	<b>VIC</b>	22,803
<b>MWG</b>	17,099	<b>HPG</b>	16,619
<b>VIC</b>	10,910	<b>THI</b>	14,939
<b>MBB</b>	10,551	<b>VHC</b>	7,950

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



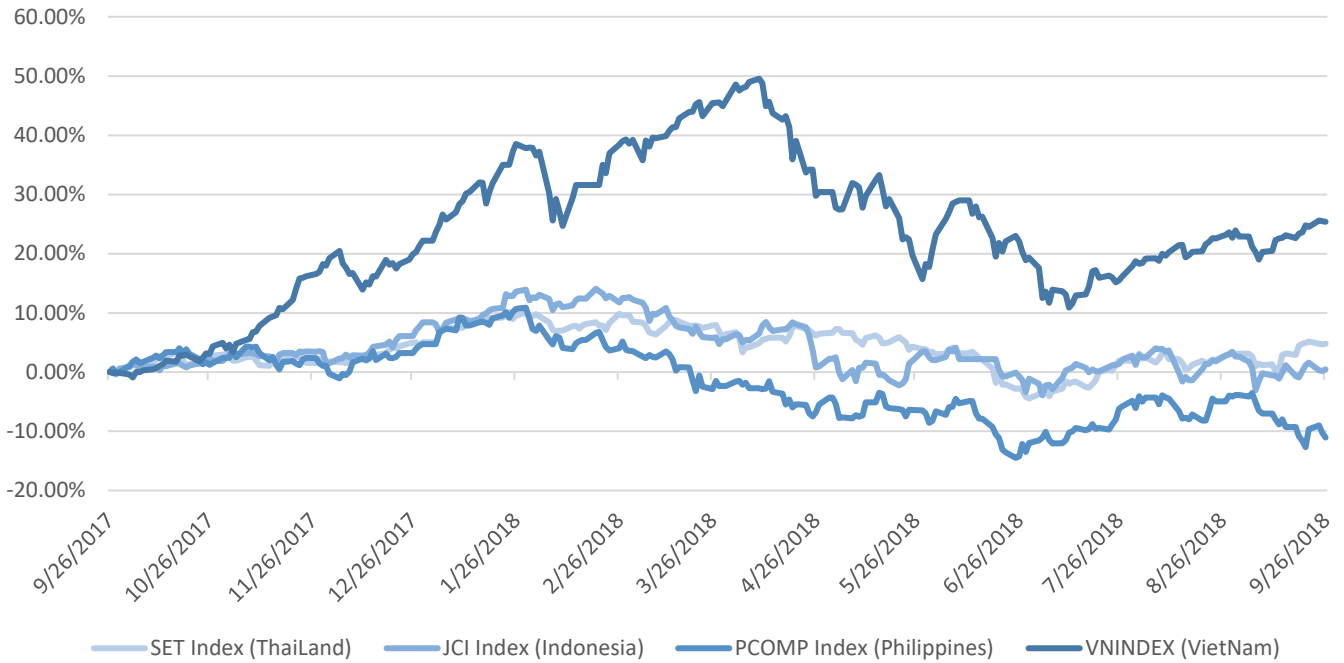
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

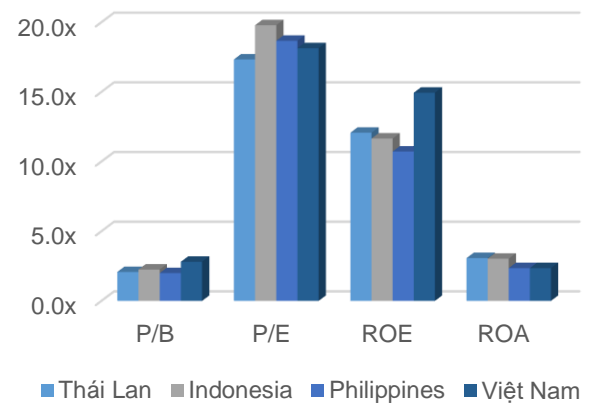
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.3x	2.0x	2.8x
P/E		17.3x	19.8x	18.7x	18.1x
ROE	%	12.07	11.65	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	543.34	445.22	169.80	138.51
GTGD	Triệu USD	1.17	0.27	0.04	0.17
LS cổ tức	%	3.03	2.31	1.62	2.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written